

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 141/2023/HSPT
Ngày: 27 - 7 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Văn Công Dân

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Tấn Đức
2. Ông Nguyễn Ngọc Sâm

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hà - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án Nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 140/2023/TLPT-HS, ngày 23/5/2023 đối với bị cáo Nguyễn Hữu Q + 01 bị cáo về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2023/HSST, ngày 14/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Hữu Q (tên gọi khác: Nguyễn Ngọc Q), sinh năm 1970, tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Tổ 1, khu phố PT, phường TT, Tp. X, tỉnh Bình Phước; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Công chức; con ông Nguyễn Ngọc X1 (đã chết) và bà Hoàng Thị R (đã chết); bị cáo có vợ là Vũ Thị V, sinh năm 1977; có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2005;

Tiền án, tiền sự: Không.

Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 70-QĐ/UBKTTHU ngày 13/3/2023 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy E.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Lại Thị M, sinh năm 1991, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn TH, xã EK, Tp. B, Đắk Lắk; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lại Thanh C1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị C2, sinh năm 1966; Bị cáo có chồng Nguyễn Văn C3, sinh năm 1987 và có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh ngày 14/06/2022; Tiền

án: Không, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Phạm Trường S; địa chỉ: Thôn W, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Bà Đào Thị H; địa chỉ: NTL, thị trấn E, huyện E, Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Ông Hoàng Tô V; địa chỉ: Thôn W1, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn Đ; địa chỉ: Thôn W2, xã EL, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* UBND xã Y, huyện E

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Công T – Chức vụ: chủ tịch UBND xã Y, huyện E. Vắng mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Thị Z nhưng không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Đối với Nguyễn Hữu Q được Hội đồng nhân dân xã Y bầu giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã nhiệm kỳ 2011 – 2016 sau đó được Chủ tịch UBND huyện E ra quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2011 phê chuẩn kết quả bầu cử đối với Nguyễn Hữu Q giữ chức Chủ tịch UBND xã Y nhiệm kỳ 2011 – 2016.

Năm 2012 Q đã ký duyệt chi số tiền: **141.175.000đ**, trong đó: không có nội dung chi cụ thể; chi trùng nội dung, chi sai quy định về các khoản phụ cấp lương nên bị Phòng NS chính kế hoạch huyện E kiểm tra xuất toán và yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Y thu hồi, nộp lại Ngân sách Nhà nước số tiền này (Hiện chứng từ đã bị môi xông nên Cơ quan cảnh sát điều tra không thu thập được).

Để bù vào số tiền bị xuất toán năm 2012, trong năm 2014 Nguyễn Hữu Q đã chỉ đạo Lại Thị M (Kế toán 2) và Nguyễn Thị Z (Thủ quỹ) lập các chứng từ không, quyết toán chi số tiền **57.180.000 đồng** từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách xã Y gồm các chứng từ: Chi hỗ trợ các nhà trường ngày 08/03/2015 số tiền: 8.000.000đ phiếu chi số 21 ngày 27/04/2015. Chi hỗ trợ xăng xe cho đội thu thuế của xã năm 2014, 2015 số tiền 16.800.000đ (Gồm các phiếu chi số: 75 ngày 24/06/2014 số tiền 4.100.000đ, số 58 ngày 15/10/2015 số tiền 6.700.000đ, số 106, ngày 31/12/2014 số tiền 6.000.000đ); Chi kinh phí rà soát hộ nghèo số tiền 9.000.000đ, phiếu chi số 59, ngày 15/10/2015; Chi kinh phí giải phóng mặt bằng 23.380.000đ (Gồm các phiếu chi số 29 ngày 01/10/2015 số tiền 10.080.000đ, số 46 ngày 25/04/2015 số tiền 7.600.000đ, số 102 ngày 30/12/2014 số tiền 5.700.000đ).

Ngày 01/06/2014 Nguyễn Hữu Q tự ký hợp đồng sáng tác, không thông qua Hội đồng nhân dân xã với ông Nguyễn Trọng NS để sáng tác ca khúc “Y yêu thương” với kinh phí là: **35.000.000đ**. Để thanh toán số tiền cho việc sáng tác bài hát, Q chỉ

đạo lấy từ nguồn kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách của UBND xã, chứng từ thanh toán cho việc sáng tác bài hát trên không được Kho bạc Nhà nước huyện E chấp nhận nên Q đã chỉ đạo Nguyễn Văn Đ (Cán bộ địa chính xã) lập không các chứng từ để thanh toán số tiền này bằng việc đưa vào kinh phí chi tuần tra kiểm soát bảo vệ rừng năm 2015 tổng số tiền: **35.060.000đ** (Gồm các chứng từ: Phiếu chi số 35 ngày 24/04/2015 số tiền 2.400.000đ, số 27 ngày 25/04/2015 số tiền 4.500.000đ, số 30 ngày 27/04/2015 số tiền 2.340.000đ, số 22 ngày 12/07/2015 số tiền 5.600.000đ, số 26 ngày 20/08/2015 số tiền 4.500.000đ, số 30 ngày 01/10/2015 số tiền 2.720.000đ, số 28 ngày 01/10/2015 số tiền 5.400.000đ và chứng từ thanh toán ngày 25/12/2015 số tiền 7.600.000đ không có phiếu chi do Hoàng Tô V ký duyệt chỉ)

Ngoài ra trong năm 2014 và 2015 Nguyễn Hữu Q còn chỉ đạo các bộ phận lập không nhiều chứng từ để thanh toán tiền ngân sách của UBND xã như: Chi thanh toán chế độ làm thêm ngoài giờ của năm 2014 với số tiền: **21.052.000đ** phiếu chi số 104 ngày 31/12/2014; thanh toán chế độ làm thêm ngoài giờ năm 2015 số tiền **40.590.000đ** (Gồm phiếu chi số 28 ngày 25/05/2015 số tiền 21.395.000đ, số 45 ngày 10/08/2015 số tiền 19.195.000đ); thanh toán cho việc tổ chức “Đêm hội trăng rằm năm 2015” phiếu chi số 61 ngày 15/10/2015 số tiền **10.000.000đ**; thanh toán sơ kết, tổng kết Ủy ban nhân dân xã năm 2014 số tiền **25.100.000đ** (Gồm các phiếu chi số 77 ngày 05/07/2014 số tiền 13.800.000đ, số 117 ngày 30/12/2014 số tiền 11.300.000đ); thanh toán ngày công tiêu hủy đàn gia cầm phiếu chi số 40 ngày 25/05/2015 số tiền **3.600.000đ**.

Như vậy trong năm 2014 và năm 2015 Nguyễn Hữu Q là Chủ tịch UBND xã Y là chủ tài khoản đã chỉ đạo, duyệt, ký chi các chứng từ lập không để lấy tiền bù vào số tiền chi cho việc xuất toán năm 2012, chi cho việc đi chúc tết, mua quà biếu, bỏ phong bì đi giao dịch, tiếp cơm... tổng cộng 22 chứng từ gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước tổng số tiền: **184.982.000đ**.

2. Đối với **Lại Thị M**: Ngày 28/12/2012 Lại Thị M được UBND huyện E ra quyết định tạm tuyển công chức cấp xã đảm nhiệm chức danh NS chính - Kế toán 2 xã Y kể từ ngày 02/01/2013.

Trong các năm 2014 và 2015. Theo sự chỉ đạo của Nguyễn Hữu Q, Lại Thị M đã tham gia lập không 12 chứng từ gồm: Chi hỗ trợ đội thu thuế trên địa bàn xã năm 2014, năm 2015 (Phiếu chi số: 106 ngày 31/12/2014; số 58 ngày 15/10/2015; số 75 ngày 24/6/2015), Chi kinh phí điều tra rà soát hộ nghèo năm 2016 (Phiếu chi số: 59 ngày 15/10/2015), Chi hỗ trợ 04 nhà trường tổ chức kỷ niệm ngày 08/3 (Phiếu chi số: 21 ngày 27/4/2015), Chi thanh toán chế độ làm thêm ngoài giờ năm 2014, 2015 (Phiếu chi số: 104 ngày 31/12/2014; số 28 ngày 25/5/2015; số 45 ngày 10/8/2015), Chi kinh phí tổ chức Hội thi “Đêm hội trăng rằm năm 2015” (Phiếu chi số: 61 ngày 15/10/2015), Chi tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết công tác ủy ban năm 2014 (Phiếu chi số: 77 ngày 30/12/2014; số 117 ngày 30/12/2014), Chi thanh toán ngày công tiêu hủy đàn gia cầm bị nhiễm cúm H5N1 (Phiếu chi số: 40 ngày 25/5/2015) với tổng số tiền là: **134.142.000đ**. Ngoài ra khi biết Nguyễn Văn Đ (Cán bộ địa chính xã) lập 08 chứng từ và Phạm Trường S (Cán bộ địa chính xã) lập 03 chứng từ để thanh toán, M đều biết đây là các chứng từ này được lập không, các sự việc trong các chứng từ

không có thật, không diễn ra nhưng M vẫn đề xuất Nguyễn Hữu Q ký duyệt thanh toán 10 chứng từ với tổng số tiền là **58.440.000đ**. Tổng cộng M đã tham gia lập và đề xuất ký duyệt chi 22 chứng từ không với tổng số tiền **184.982.000đ** với mục đích là để lấy tiền bù vào tại các khoản đã ứng chi sai chế độ trước đó của Ủy ban nhân dân xã (như nộp trả vào số tiền bị Phòng tài chính xuất toán năm 2012, chi tiếp khách, tiếp cơm, mua quà biếu...).

3. Đối với **Nguyễn Thị Z**: Theo Quyết định số 05/QĐ-UB ngày 11/01/1999 của UBND xã Y được bổ nhiệm làm cán bộ phụ trách văn thư, đánh máy tạp vụ từ ngày 16/01/1999. Tại quyết định số 1378/QĐ-UBND ngày 06/7/2011 của UBND huyện E được UBND huyện E ra quyết định tạm tuyển công chức cấp xã đảm nhiệm chức danh Văn phòng - Thống kê thứ 2 của xã Y kể từ ngày 01/8/2011, sau đó Z được giao kiêm thủ quỹ của UBND xã Y.

Trong năm 2014 và 2015 dưới sự chỉ đạo của Nguyễn Hữu Q, Lại Thị M đã lập không 12 chứng từ sau đó đưa cho Nguyễn Thị Z 08 chứng từ để Z ký vào phần người đề xuất chi tiền, người đề nghị thanh toán tiền. Z đều biết và thừa nhận trong số 08 chứng từ mà M đưa đều là chứng từ lập không với mục đích rút tiền ngân sách Nhà nước để bù vào các khoản đã ứng chi sai chế độ trước đó của Ủy ban nhân dân xã (như chi tiếp khách, tiếp cơm, mua quà biếu...) và một phần nộp trả vào số tiền bị Phòng NS chính xuất toán năm 2012. Tổng số tiền của 08 chứng từ mà Z tham gia thanh toán, đề xuất là **113.472.000đ**.

Tại bản kết luận giám định số 2818/STC-KLGD ngày 15/9/2021 của Sở NS chính đã kết luận: Tổng số tiền qua giám định xác định đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước từ 22 bộ chứng từ là 184.982.000đ (Một trăm tám mươi bốn triệu chín trăm tám mươi hai nghìn đồng) trách nhiệm thuộc về chủ tài khoản, kế toán và những người liên quan.

Tại bản kết luận giám định số: 69/PC54 ngày 14/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

Chữ ký đứng tên Nguyễn Hữu Q dưới các mục “Thủ trưởng đơn vị”, “TM UBND xã” và “Người nhận tiền” trong các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A13 và từ A15 đến A19 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Hữu Q trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người ký ra.

Chữ ký tại các vị trí sau: Dưới mục “phụ trách kế toán”, “người lập phiếu” hiện trong các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1, A7; dưới mục “người thu” trong các tài liệu cần giám định ký hiệu A14 so với chữ ký đứng tên Lại Thị M trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 và M3 là một người ký ra.

Tại bản kết luận giám định số: 980/PC09 ngày 09/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

- Chữ ký Nguyễn Trọng NS đại diện bên B trong hợp đồng hỗ trợ kinh phí thi sáng tác ca khúc số 01/HĐ-STAN ngày 01/6/2014 và chữ ký Nguyễn Trọng NS trong giấy nhận tiền với Nguyễn Thị Z ngày 04/01/2014 là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký Nguyễn Trọng NS đại diện bên B trong hợp đồng hỗ trợ kinh phí sáng tác ca khúc số 01/HĐ-STAN ngày 01/6/2014 và chữ ký Nguyễn Trọng NS trong giấy nhận tiền với Nguyễn Hữu Q ngày 01/10/2014 không phải là cùng một người ký ra.

Tại Bản cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 10/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu Q, Lại Thị M và Nguyễn Thị Z về tội: “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại khoản 1 Điều 165 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 27/2023/HSST, ngày 14/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Hữu Q, Lại Thị M và Nguyễn Thị Z phạm tội: “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”.

[1]. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Q 01 năm 09 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 165 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lại Thị M 01 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt thi hành án.

[2]. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 2015; Điều 604, 605, 608 và 616 Bộ luật dân sự 2005.

Về trách nhiệm dân sự: Tuyên buộc các bị cáo và Người có quyền nghĩa vụ liên quan phải liên đới trả lại tiền đã gây thiệt hại cho Ngân sách UBND xã Y, huyện E cụ thể như sau:

Bị cáo Nguyễn Hữu Q số tiền 96.571.000đ; Bị cáo Lại Thị M số tiền 55.495.000đ; bị cáo Nguyễn Thị Z số tiền 22.748.000đ; ông Nguyễn Văn Đ số tiền 5.492.000đ; anh Phạm Trường S số tiền 4.676.000đ.

Bị cáo Nguyễn Hữu Q được khấu trừ số tiền 21.400.000đ; bị cáo Lại Thị M được khấu trừ số tiền 10.000.000đ và bị cáo Nguyễn Thị Z được khấu trừ số tiền 5.000.000đ đã nộp khắc phục hậu quả.

Tuyên buộc bị cáo Nguyễn Hữu Q phải trả lại cho UBND xã Y, huyện E số tiền do Công ty MĐ và Công ty TL - Khánh Hòa hỗ trợ còn lại chưa trả là: 84.999.6273

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Z; tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/4/2023, bị cáo Nguyễn Hữu Q kháng cáo kêu oan, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền do Công ty MĐ và Công ty TL - Khánh Hòa hỗ trợ.

Ngày 20 tháng 07 năm 2023 bị cáo Nguyễn Hữu Q có đơn thay đổi nội dung kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được cải tạo không giam giữ hoặc xin được hưởng án treo, đồng thời xem xét lại số tiền do Công ty MĐ và Công ty TL - Khánh Hòa hỗ trợ .

Ngày 24/4/2023, bị cáo Lại Thị M kháng cáo xin hưởng án treo và đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại các chứng từ chi thanh toán kinh phí giải phóng mặt bằng cho công ty mía đường Đắk Nông số tiền 23.380.000 đồng, vì đây là số tiền chi đúng không gây thất thoát cho ngân sách nhà nước, đề nghị loại trừ phần trách nhiệm dân sự liên đới bồi thường đối với số tiền trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và đơn thay đổi kháng cáo.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xét xử bị cáo Nguyễn Hữu Q, Lại Thị M về tội: *“Cố ý làm trái quy định Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”* theo khoản 1 Điều 165 của Bộ luật hình sự 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội bị cáo Q đã nộp khắc phục hậu quả số tiền 51.400.000 đồng. Bị cáo có bố mẹ là người có công với cách mạng, bị cáo có thời gian tham gia quân đội. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn con bị tai nạn giao thông. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy cần áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo Q. Bị cáo Lại Thị M sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả về hành vi của mình gây ra. Tổng số tiền là: 55.495.000 đồng và tiền án phí DSST và HSST.

Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự - Sửa Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Q xử phạt bị cáo 01 năm 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 03 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm và chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo M để giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Xử phạt bị cáo M 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách và gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo.

Không chấp nhận một phần kháng cáo bị cáo Lại Thị M về việc bị cáo cho rằng không gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước đối với các khoản chi thanh toán kinh phí giải phóng mặt bằng cho công ty MĐ số tiền 23.380.000 đồng.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Q đối với số tiền: **516.992.627đ** mà bị cáo Nguyễn Hữu Q nhận từ Công ty MĐ và Công ty TL - Khánh Hòa hỗ trợ cho UBND xã Y đề nghị HĐXX tách ra để giải quyết vụ án dân sự khác khi nguyên đơn dân sự UBND xã Y có đơn yêu cầu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận bào chữa gì thêm chỉ đề nghị hội đồng xét xử xem

xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo vì vụ án đã lâu và hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cơ bản phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở pháp lý để xác định trong năm 2014 – 2015 Nguyễn Hữu Q (*Nguyên là chủ tịch UBND xã Y đồng thời là chủ tài khoản*) đã trực tiếp chỉ đạo cho Lại Thị M, Nguyễn Thị Z, Phạm Trường S, Nguyễn Văn Đ lập không 22 chứng từ để rút tiền từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của UBND xã với mục đích lấy số tiền này để bù một phần tiền bị xuất toán năm 2012, trả tiền cho nhạc sỹ Phương NS sáng tác bài hát “*Ya Tờ một yêu thương*”, bù hoàn ứng vào số tiền đã chi trước đó (*Số tiền được dùng nộp xuất toán năm 2012 số tiền 57.180.000đ, trả cho nhạc sỹ Phương NS số tiền 27.460.000đ, bù tiền phát sinh ngoài ngân sách của xã như đi chúc tết, mua quà biếu, đi giao dịch, tiếp cơm.. số tiền 100.342.000đ*). Tổng số tiền mà các bị cáo đã gây thiệt hại cho ngân sách UBND xã Y là: **184.982.000đ**. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế vi phạm các quy định của pháp luật tài chính, kế toán.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*” theo khoản 1 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Hữu Q HĐXX thấy rằng: Tại cấp sơ thẩm bị cáo cho rằng bị cáo không phạm tội là do suy nghĩ, nhận thức của bị cáo chưa đúng, chưa đầy đủ nhưng bị cáo cũng đã khai rõ hành vi của mình. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả là 21.400.000 đồng và khi xét xử sơ thẩm xong bị cáo tiếp tục nộp 30.000.000 đồng. Tổng cộng bị cáo Q đã nộp khắc phục hậu quả số tiền 51.400.000đồng. Bị cáo có bố mẹ là người có công với cách mạng, bị cáo có thời gian tham gia quân đội. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn con bị tai nạn giao thông. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy cần áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt và không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được tự cải tạo và chịu sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe phòng ngừa chung và giáo dục riêng.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo ngoài xã hội của bị cáo Lại Thị M, HĐXX thấy rằng: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả về hành vi của mình gây ra. Tổng số tiền là: 55.495.000 đồng và tiền án phí DSST và HSST. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên xét thấy cần chấp nhận

một phần kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk để giảm cho bị cáo một phần hình phạt và không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được tự cải tạo và chịu sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe phòng ngừa chung và giáo dục riêng.

[4]. Xét kháng cáo của bị cáo Lại Thị M về việc không gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước đối với các khoản chi thanh toán kinh phí giải phóng mặt bằng cho công ty mía đường Đắk Nông số tiền 23.380.000 đồng, thấy rằng: Từ 01/4/2013 đến 26/5/2015 Công ty cổ phần mía đường Đắk nông đã hỗ trợ cho xã số tiền 218.668.000 đồng để chi hỗ trợ xã trong công tác giải phóng mặt bằng, do đó việc UBND xã không dùng nguồn này để chi mà dùng nguồn ngân sách xã để chi cho Đoàn tham gia hỗ trợ Công ty mía đường Đắk nông giải phóng mặt bằng, không có trong dự toán, và không thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo phân cấp tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 21/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của HĐND tỉnh Đắk Lắk về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi từ năm 2011 cho ngân sách các cấp chính quyền thuộc tỉnh Đắk Lắk là chi sai nguồn, không đúng quy định. Từ đó đã gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước số tiền 23.380.000 đồng.

Như vậy kháng cáo của bị cáo Lại Thị M về việc không gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước đối với các khoản tiền trên là không có căn cứ.

[5]. Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu Q đối với số tiền: **516.992.627đ** mà bị cáo Nguyễn Hữu Q nhận từ Công ty MĐ và Công ty TL - Khánh Hòa hỗ trợ cho UBND xã Y, HĐXX thấy rằng: Theo kết luận giám định *“Đây không phải là tiền từ ngân sách Nhà nước cấp, mà là khoản hai công ty hỗ trợ cho xã, do vậy không gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước...”*. Do vậy, không đủ cơ sở xác định số tiền này bị cáo Q phạm tội: *“Có ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”*. Cấp sơ thẩm đã buộc bị cáo phải trả lại số tiền 84.999.627đ (sau khi khấu trừ số tiền 431.993.000đ bị cáo Q đã tự nguyện trả lại cho UBND xã Y) là không phù hợp, vì đây không phải số tiền bị cáo phạm tội, nên cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Q để tách ra giải quyết vụ án dân sự khác khi nguyên đơn dân sự UBND xã Y có đơn yêu cầu.

[6]. Về án phí DSST: Cấp sơ thẩm đã buộc bị cáo phải trả lại số tiền 84.999.627đ cho UBND xã Y nhưng cấp phúc thẩm tách ra để giải quyết vụ án dân sự khác nên cần tính lại án phí dân sự sơ thẩm đối với bị cáo Q. Cụ thể bị cáo Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: $96.571.000đ \times 5\% = 4.828.550$ đồng.

[7]. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo Nguyễn Hữu Q, Lại Thị M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu Q. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lại Thị M.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2023/HSST, ngày 14/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

[2]. Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu Q** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Hữu Q cho Ủy ban nhân dân phường TT, Tp. X, tỉnh Bình Phước giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 165 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Lại Thị M** 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Lại Thị M cho Ủy ban nhân dân xã EK, Tp. B, Đắk Lắk giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp các bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú được áp dụng theo khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 2015; Điều 604, 605, 608 và 616 Bộ luật dân sự 2005.

Tuyên buộc các bị cáo và người có quyền nghĩa vụ liên quan phải liên đới trả lại tiền đã gây thiệt hại cho Ngân sách UBND xã Y, huyện E cụ thể như sau:

- Bị cáo Nguyễn Hữu Q số tiền 96.571.000đ; Bị cáo Lại Thị M số tiền 55.495.000đ; bị cáo Nguyễn Thị Z số tiền 22.748.000đ; ông Nguyễn Văn Đ số tiền 5.492.000đ; ông Phạm Trường S số tiền 4.676.000đ.

+ Bị cáo Nguyễn Hữu Q được khấu trừ số tiền 21.400.000đ; (Số tiền này đã nộp tại UBND xã Y, huyện E theo các phiếu thu ngày 07/9/2016 số tiền 10.000.000

đồng; phiếu thu ngày 04/01/2017 số tiền 11.000.000 đồng và phiếu thu ngày 28/9/2017 số tiền 400.000 đồng). Bị cáo Nguyễn Hữu Q được khấu trừ thêm số tiền 30.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Th đã nộp thay cho bị cáo Q theo biên lai thu số 0001636 ngày 10/7/2023 số tiền 10.000.000 đồng và biên lai thu số 0001637 ngày 14/7/2023 số tiền 20.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E.

+ Bị cáo Lại Thị M được khấu trừ số tiền đã nộp theo biên lai thu số 0001543 ngày 13/3/2023 số tiền 3.000.000 đồng; biên lai thu số 0001633 ngày 23/6/2023 số tiền 48.470.000 đồng (Trong đó có 2.775.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm) và biên lai thu số 0001548 ngày 31/3/2023 số tiền 7.000.000 đồng. Tổng cộng 55.495.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E.

+ Bị cáo Nguyễn Thị Z được khấu trừ số tiền 2.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001542 ngày 09/3/2023 và khấu trừ số tiền 3.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001547 ngày 31/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E.

- UBND xã Y, huyện E liên hệ với Chi cục thi hành án dân sự huyện E để nhận lại toàn bộ số tiền mà các bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. Tách số tiền do Công ty MĐ và Công ty TL - Khánh Hòa hỗ trợ cho UBND xã Y, huyện E thành vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[5]. Về án phí :

[5.1]. Về án phí DSST: Bị cáo Nguyễn Hữu Q phải chịu 4.828.550 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5.2]. Về án án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Hữu Q, Lại Thị M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Súp;
- VKSND huyện Ea Súp
- Công an huyện Ea Súp
- Chi cục THADS huyện E;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Công Dân

- UBKT huyện ủy E;
- UBND xã EK, Tp. B; Đắk Lắk.
- UBND p. TT, Tp. X, tỉnh Bình Phước;
- Những người TGT;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.